

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/DS-ST  
Ngày: 22-01-2025  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài  
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Tuấn Nam.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Bà Trần Ngọc Tường Vi;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 533/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2024/QĐXXST-DS ngày 12/12/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim M, sinh năm 1968; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

**Người đại diện hợp pháp:**

+ Ông Trần Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Căn hộ A, tầng A, Block B, chung cư T, phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1986; địa chỉ: 1 đường số E, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bị đơn:** Ông Đoàn Duy C, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bà M, đại diện nguyên đơn của bà M trình bày:**

Bà M, ông C và bà D có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 04/8/2021, vợ chồng ông C và bà D có vay của bà M số tiền 1.000.000.000 đồng để trang trải cuộc sống. Do là họ hàng với nhau nên bà M đã đồng ý cho ông C và bà D vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Việc vay mượn được lập giấy mượn tiền, có đầy đủ chữ ký và dấu vân tay của vợ chồng ông C, bà D; hai bên thống nhất thời hạn trả tiền là vào ngày 04/8/2022.

Quá hạn thanh toán nhưng ông C và bà D viện nhiều lý do để trì hoãn việc trả nợ. Ngày 20/4/2024, vợ chồng ông C và bà D đã trả cho bà M số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc (có lập văn bản), hiện còn nợ lại số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Do đó, bà M khởi kiện yêu cầu ông C và bà D phải thanh toán số tiền 500.000.000 đồng tiền gốc còn lại và tiền lãi gồm:

- Tiền lãi phát sinh từ ngày 05/8/2022 đến ngày 19/4/2024 là 20,5 tháng:  $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 20,5 \text{ tháng} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 170.833.333 \text{ đồng}$ .

- Tiền lãi phát sinh từ ngày 20/4/2024 đến ngày 13/9/2024 là 04 tháng 25 ngày:  $500.000.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 25 \text{ ngày} \times 10\%/12 \text{ tháng} = 20.091.285 \text{ đồng}$ .

Tổng tiền lãi đến ngày 13/9/2024 là 190.924.618 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/01/2025 là 17.773.000 đồng. Tổng số tiền bà M yêu cầu là 708.697.951 đồng, trong đó có 500.000.000 đồng tiền gốc và 208.697.951 đồng tiền lãi.

**Chứng cứ nguyên đơn cung cấp:** Đơn khởi kiện; bản tự khai, bản sao căn cước công dân; 01 Hợp đồng ủy quyền ngày 13/9/2024 (bản chính); Giấy mượn tiền ngày 04/8/2021 (bản photo); 01 ảnh chụp phiếu báo phát; 01 Bản tự khai ngày 13/9/2024 của đại diện nguyên đơn.

**\* Ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C:**

Bị đơn hiện đang cư trú tại địa phương. Quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho bà D và ông C biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà D và ông C vắng mặt không có lý do.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh

chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, nguyên đơn cung cấp giấy nợ thể hiện bị đơn có vay 1.000.000.000 đồng và đã trả được 500.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ngày 04/8/2021 không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 04/8/2022. Như vậy, theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự thì bị đơn phải chịu lãi suất từ ngày 05/8/2022 đến khi xét xử theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bị đơn có mặt tại địa phương nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình trốn tránh việc trả nợ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà M.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn bà D và ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà D và ông C có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà M yêu cầu ông C và bà D phải thanh toán số tiền 500.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm là 208.697.951 đồng. Tổng số tiền bà M yêu cầu là 708.697.951 đồng. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Giấy mượn tiền ngày 04/8/2021, thể hiện bà D và ông C vay số tiền 1.000.000.000.000 đồng, có chữ ký và dấu lấn tay xác nhận nợ của bị đơn. Giấy nợ ngày 20/4/2024, thể hiện nội dung bà D và ông C đã thanh toán số tiền 500.000.000 đồng, hiện còn thiếu lại bà M số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi. Bà M đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà D và ông C không thực hiện. Hiện nay, khoản vay đã quá hạn, bà D và ông C chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn bà D và ông C được Tòa án triệu tập, tổng đạt và niêm yết hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia các buổi làm việc, buổi mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử để có ý kiến về số nợ của nguyên đơn yêu cầu. Điều này thể hiện bà D và ông C cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện trả tiền gốc của bà M được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Giấy mượn tiền ngày 04/8/2021 không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 04/8/2022. Như vậy, theo khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì từ ngày 05/8/2022 đến ngày 19/4/2024, bị đơn phải chịu lãi chậm trả trên số tiền 1.000.000.000 đồng là 170.833.333 đồng với mức lãi suất 10%/năm. Ngày 20/4/2024, bị đơn thanh toán được 500.000.000 đồng nên số tiền lãi bị đơn phải chịu từ ngày 20/4/2024 đến ngày 13/9/2024 là 20.091.285 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17.773.000 đồng. Tổng số tiền bà M yêu cầu là 708.697.951 đồng. Yêu cầu lãi của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác: Theo đơn kiện bà M yêu cầu tính lãi phát sinh đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đề nghị Tòa án chấp nhận tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Điều này là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bà D và ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trần Thị Kim M đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trần Thị Kim M số tiền 708.697.951 đồng (bảy trăm lẻ tám triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi một đồng), trong đó có 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) tiền gốc và 208.697.951 đồng (hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi một đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/01/2025) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên,

thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Đoàn Duy C phải liên đới chịu số tiền 32.347.918 đồng (ba mươi hai triệu ba trăm bốn mươi bảy ngàn chín trăm mười tám đồng).

2.2. Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim M số tiền 15.818.492 đồng (mười lăm triệu tám trăm mười tám nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000456 ngày 23/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

## 3. Quyền kháng cáo:

3.1. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

3.2. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tuấn Nam**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Mỹ      Nguyễn Thị Kim Phi**

**Nguyễn Tuấn Nam**

